

Những câu đàm thoại tiếng Anh thông dụng nhất

1. Trong tình huống khẩn cấp

Trong cuộc sống hằng ngày, sẽ có những lúc bạn gặp phải tình huống khẩn cấp, cần sự trợ giúp của một ai đó, hay có khi là bạn cần xử lý vấn đề cấp bách cho người khác, ... Vậy, những khi đó bạn sẽ nói gì?

- Call the fire brigade! (Hãy gọi cho cứu hỏa ngay đi!)
- Here is a fire. (Có đám cháy ở đây.)
- Somebody helps! (Ai đó giúp tôi với!)
- They are here. (Họ đã có mặt ở đây.)
- Be careful! (Hãy cẩn thận!)
- Now, call the police! (Bây giờ, hãy gọi công an!)
- Calm down! (Bình tĩnh!)
- She has been mugged. (Cô ấy đã bị cướp.)
- Help me! (Cứu tôi với!)
- She got lost. (Bà ấy bị lạc.)
- Call an ambulance! (Hãy gọi cấp cứu đi!)
- He needs a doctor (Anh ta cần bác sĩ)
- Are you OK? (Ông ổn chứ?)
- Don't worry! (Đừng lo lắng!)
- Hurry! (Nhanh lên!)

2. Trong tình huống cần trả lời nhanh

Cố gắng luyện trả lời nhanh trong cuộc hội thoại, bạn sẽ tiết kiệm được thời gian và cũng sẽ không cảm thấy mình bị “load chậm”.

- This is the limit! (Đủ rồi đó!)
- Right on! (Quá đúng!)
- Absolutely! (Chắc chắn rồi!)
- You better believe it! (Chắc chắn mà!)
- I'll be shot if I know! (Biết chết liền!)
- I can't say for sure. (Tôi không thể nói chắc.)
- The God knows! (Có Chúa mới biết!)
- Ask for it! (Tự mình làm thì tự mình chịu đi!)
- Of course! (Dĩ nhiên!)
- Nothing in particular! (Không có gì đặc biệt cả!)
- I'm in a hurry. (Tôi đang vội.)
- What a relief! (Thật là nhẹ nhõm.)
- That's a lie! (Xạo quá!)
- I guess so. (Tôi đoán vậy.)
- Just for fun! (Đùa chút thôi!)
- Why so serious? (Gì mà căng?)

3. Những câu hỏi thường gặp trong đàm thoại tiếng Anh

Câu hỏi có tác dụng giúp khai thác thông tin từ phía người đối diện, thể hiện sự quan tâm của mình với họ khiến họ cởi mở hơn

- Where does he live? (Anh ấy sống ở đâu?)
- How old are you? (Bạn bao nhiêu tuổi?)
- How are you? (Bạn có khỏe không?)
- Are you okay? (Anh vẫn khỏe chứ?)
- What is your favorite MV, singer or band? (Video ca nhạc hay nhóm nhạc yêu thích của bạn là gì?)
- How's life? (Cuộc sống của bạn ổn không?)
- What is your full name? (Tên đầy đủ của bạn là gì?)
- How are things going with you? (Bạn nghĩ sao về công việc hiện tại?)
- Where office do you work? (Văn phòng làm việc của bạn ở đâu?)
- What are your hobbies? (Bạn có những sở thích gì?)
- What does she like doing in her free time? (Chị thích làm gì vào thời gian rảnh rỗi?)